

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét các Văn bản của Công ty TNHH Chăn nuôi Hoàng Vân: số 01/2024/CV-HV ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; số 05.2025/CV-HV ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Công ty TNHH Chăn nuôi Hoàng Vân về việc chỉnh sửa bổ sung và giải trình báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trang trại chăn nuôi tại xã Lộc Hòa, huyện Phú Lộc và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 789/TTr-SNNMT ngày 08 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Chăn nuôi Hoàng Vân, địa chỉ tại xã Lộc Hòa, huyện Phú Lộc, thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo

vệ môi trường của cơ sở “Trang trại chăn nuôi tại xã Lộc Hòa, huyện Phú Lộc” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi tại xã Lộc Hòa, huyện Phú Lộc.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Lộc Hòa, huyện Phú Lộc, thành phố Huế.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7015784816 chứng nhận lần đầu ngày 09/9/2013, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 20/02/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) cấp.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3301494125 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Huế cấp lần đầu ngày 08/10/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20/01/2025.

1.5. Mã số thuế: 3301494125.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi heo.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích khu đất: 115.223 m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Nhóm C.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất: Heo nái 2.400 con, heo hậu bị 50 con, heo nọc giống 30 con.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo các phương án yêu cầu bảo vệ môi trường đối với xử lý, giảm thiểu mùi quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Chăn nuôi Hoàng Vân có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung báo cáo, tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố Huế;
- Công ty TNHH Chăn nuôi Hoàng Vân;
- UBND huyện Phú Lộc;
- UBND xã Lộc Hòa;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- CVP và các PCVP thành phố Huế;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 52/GPMT-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân viên vận hành trang trại (tắm rửa, giặt, vệ sinh và nhà ăn).
- Nguồn số 2: Nước thải chăn nuôi phát sinh từ khu vực chuồng nuôi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Nước thải từ nguồn số 01, 02 được thu gom chung về hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) tập trung. Nước thải sau khi được xử lý sẽ xả ra hồ chứa trong khuôn viên cơ sở rồi xả ra môi trường. Theo đó, cơ sở có 01 dòng nước thải sau xử lý xả ra môi trường

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Mương thoát nước ngoài hàng rào của cơ sở rồi chảy vào khe Đập Xoài thuộc xã Lộc Hòa, huyện Phú Lộc, thành phố Huế.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Cuối hồ chứa nước sau xử lý tại mương thoát nước phía ngoài hàng rào của Cơ sở trước khi chảy vào khe Đập Xoài thuộc xã Lộc Hòa, huyện Phú Lộc, thành phố Huế.

Toạ độ vị trí xả nước thải *(Theo toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰)* như sau:

X: 1800846,56 (m);

Y: 584935,38 (m).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả nước thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 200 m³/ngày (24 giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải: Xả mặt, tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột A, giá trị Cmax, Kq=0,9, Kf=1,1)	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6– 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/l	39,6		
3	COD	mg/l	99		
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	49,5		
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	49,5		
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở gồm nước thải chăn nuôi và nước thải sinh hoạt.

Nước thải chăn nuôi gồm nước tiểu của lợn, nước rửa chuồng trại. Những loại nước thải này luôn trộn lẫn các CTR khác như: phân, lông, thức ăn của lợn, các vi sinh vật, trứng giun sán,...

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên như tắm rửa, giặt là, vệ sinh và từ khu nhà ăn.

1.1.1. Công trình thu gom nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên bao gồm: nước thải từ hoạt động tắm rửa, giặt là; vệ sinh cá nhân từ bệ xí, bệ tiểu; nước thải từ khu nhà bếp.

Nước thải từ bệ xí, bệ tiểu được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn; nước thải từ nhà bếp sau khi qua bể tách dầu mỡ, cùng với nước thải tắm rửa, giặt là theo đường ống thu gom uPVC đưa vào mương dẫn nước thải khu vực chuồng chăn nuôi, sau đó nước thải được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

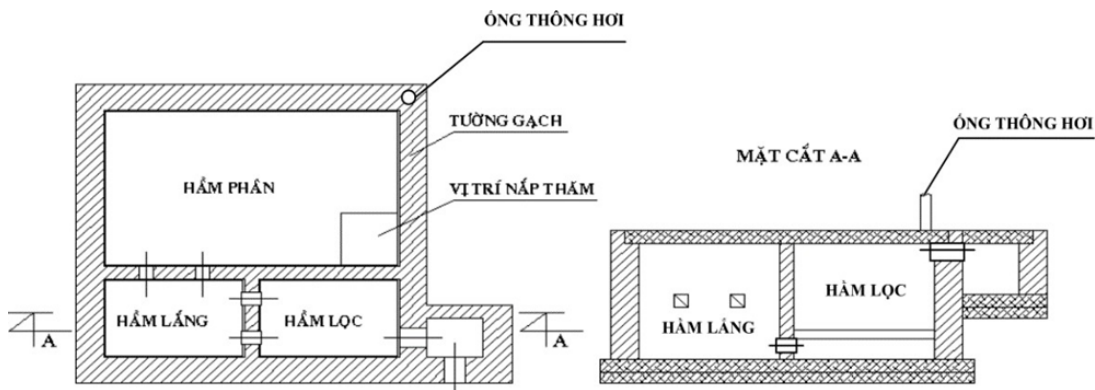
1.1.2. Nước thải phát sinh từ quá trình chăn nuôi:

Nước thải chăn nuôi gồm nước tiểu của heo, nước rửa chuồng trại. Những loại nước thải này luôn trộn lẫn các chất thải rắn khác như: phân, lông, thức ăn của heo chứa các vi sinh vật, trứng giun sán,... Nước thải phát sinh từ khu vực chuồng chăn nuôi sẽ theo mương dẫn nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Mương dẫn nước thải là mương bê tông kích thước 0,4m x 0,4m, bên trên có lắp đặt các tấm đan bê tông dày kín.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

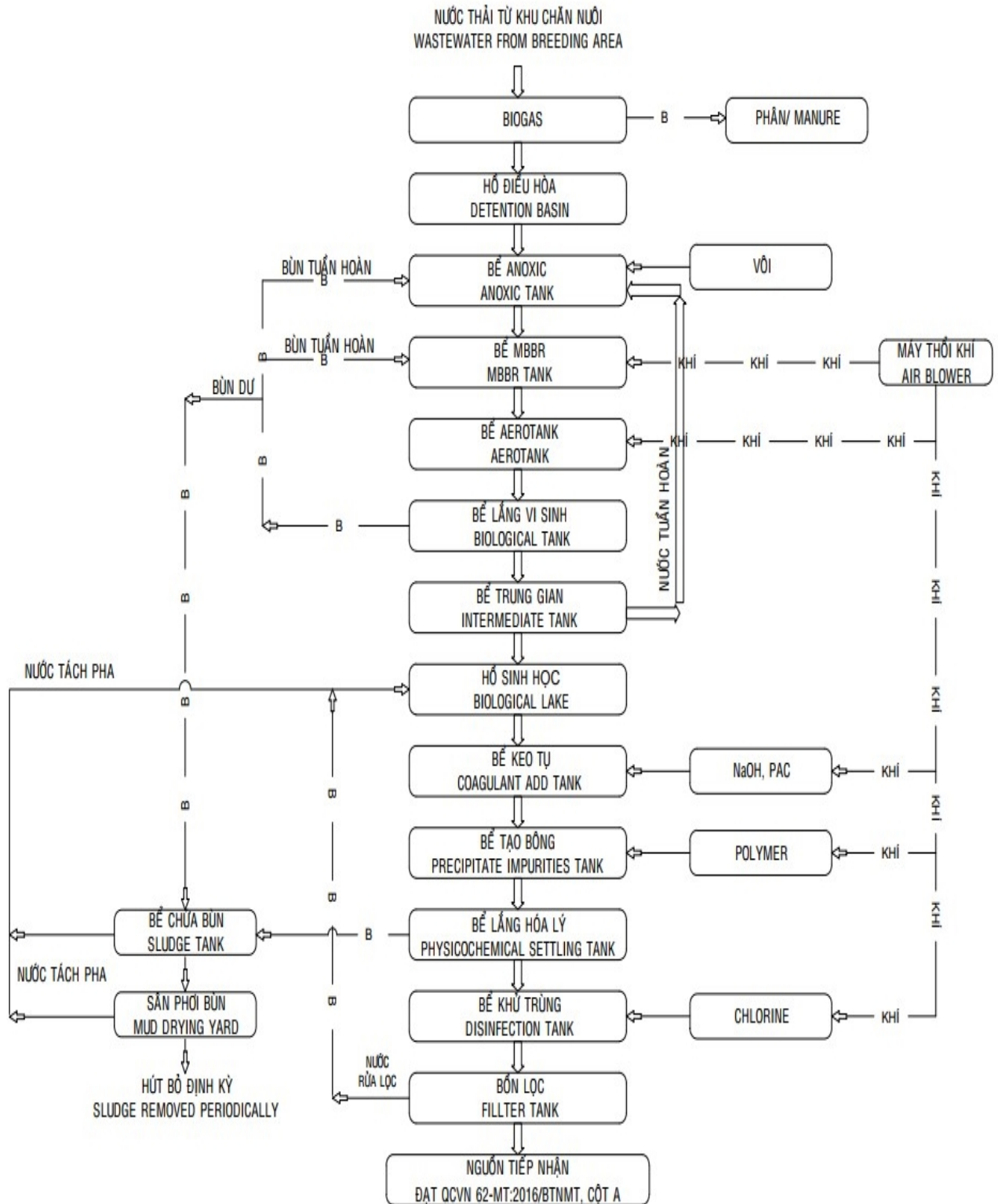
Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh (nước thải từ bể xí, bể tiểu) được dẫn về bể tự hoại để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Cơ sở có 02 bể tự hoại của các nhà vệ sinh tại khu nhà ở của cán bộ công nhân viên và khu nhà làm việc của Cơ sở, với kích thước (D x R x C) = 8,0 x 2,5 x 1,8m = 36m³.

Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn:



Cơ sở đã xây dựng HTXLNT tập trung công suất 200 m³/ngày (24 giờ). Chất lượng nước thải sau xử lý đạt Cột A của QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột A, giá trị C_{max}, K_q=0,9, K_f=1,1).

Sơ đồ khối HTXLNT tập trung của cơ sở được trình bày ở hình sau:



- Thông số kỹ thuật của các công trình tại HTLXTN tập trung:

Stt	Tên công trình	Số lượng (bể)	Kích thước bể (m)			Thể tích bể (m ³)	Cấu tạo
			Dài	Rộng	Cao		
1	Biogas	01	65	35	6,0	13.650	Hồ đất, lót và phủ bạt HDPE
2	Hồ điều hòa	01	45	32	4,0	5.760	Hồ đất, lót và phủ bạt HDPE
3	Bể Anoxic	01	7,0	2,9	4,0	81,2	BTCT, Silka chống thấm
4	Bể sinh học MBBR	01	4,3	2,9	4,0	49,88	BTCT, Silka chống thấm
5	Bể sinh học hiếu khí Aerotank	01	6,2	2,9	4,0	71,92	BTCT, Silka chống thấm
6	Bể lắng vi sinh	01	4,0	3,5	4,0	56	BTCT, Silka chống thấm
7	Bể trung gian	01	2,0	1,65	4,0	13,2	BTCT, Silka chống thấm
8	Hồ sinh học	01	24	21	3,0	1.260	Hồ đất, lót và phủ bạt HDPE
9	Bể keo tụ	01	1,8	1,65	4,0	11,88	BTCT, Silka chống thấm
10	Bể tạo bông	01	1,8	1,65	4,0	11,88	BTCT, Silka chống thấm
11	Bể lắng hóa lý	01	3,5	3,5	4,0	49	BTCT, Silka chống thấm
12	Bể khử trùng	01	3,5	2,9	4,0	40,6	BTCT, Silka chống thấm
13	Bồn lọc áp lực	02	DxH = 1,0 x2,0m				Bồn inox 304 có độ dày thân 3mm, độ dày đáy và đỉnh 4mm
14	Bể chứa bùn	01	2,0	1,65	4,0	13,2	BTCT, Silka chống thấm

- Danh mục thiết bị HTXLTN tập trung:

STT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	Hồ điều hòa		
-	Bơm nước thải	Bộ	2
2	Bể Anoxic		
-	Máy khuấy trộn	Cái	2
3	Bể MBBR		
-	Giá thể vi sinh	Bộ	1
-	Đĩa phân phối khí	Cái	40
-	pH controller và tủ điện 2 lớp inox	Bộ	1
4	Bể sinh học hiếu khí		
-	Máy thổi khí	Bộ	2
-	Đĩa phân phối khí	Cái	21
5	Bể lắng vi sinh		
-	Bơm bùn tuần hoàn	Bộ	2
6	Bể trung gian		
-	Bơm chìm	Bộ	2
7	Hồ sinh học		
-	Bơm chìm	Bộ	2
8	Bể keo tụ - tạo bông		
-	Motor khuấy giảm tốc 1	Bộ	1
-	Motor khuấy giảm tốc 2	Bộ	1
-	Bơm định lượng	Bộ	3
9	Bể lắng hóa lý		
-	Bơm bùn về bể chứa bùn	Cái	1
-	Bơm bùn về sân phơi	Cái	1
10	Bể khử trùng		
-	Bơm định lượng	Bộ	1
-	Van bi điện	Cái	9
-	Bơm lọc áp lực	Bộ	2
11	Bể pha vôi		
-	Bơm vôi	Bộ	1
-	Motor khuấy giảm tốc 1, cánh khuấy	Bộ	1
12	Đồng hồ đo lưu lượng nước	Cái	1

- Nhu cầu hóa chất sử dụng cho vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Stt	Loại hoá chất	Lượng dùng dự kiến (kg/ngày)	Mục đích
1	PAC	24	Keo tụ
2	Polymer Anion	1	Tạo bông
3	NaOH	2	Trung hòa nước thải
4	Chlorine	22	Khử trùng nước thải
5	Vôi bột	50	Trung hòa nước thải

1.3. Công trình thoát nước thải:

Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 62- MT:2016/BTNMT (cột A, $kq=0,9$, $kf=1,1$) theo đường ống uPVC DN50 dài 30m đưa nước thải vào hồ chứa nước sau xử lý, nước thải sau đó sẽ được dẫn về mương thoát nước phía sau hàng rào của Cơ sở.

Bên ngoài hàng rào Cơ sở, nước thải đi theo tuyến mương thoát nước rồi chảy vào khe Đập Xoài. Tuyến mương thoát nước này là mương đất tự nhiên cách khe Đập Xoài khoảng 150m.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa:

- Hệ thống cần phải có nhân viên chuyên môn về môi trường và nhân viên vận hành hệ thống xử lý phù hợp nhằm giải quyết tốt các vấn đề xảy ra.
- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.
- Vận hành và bảo trì máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.
- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống nhằm có cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.
- Định kỳ lấy và phân tích chất lượng mẫu nước thải sau khi xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì các đường ống dẫn và máy móc, thiết bị.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố rò rỉ khí từ hầm Biogas: Với những lỗ thủng phân trên hồ sẽ được dán lỗ thủng bằng băng keo chuyên dụng. Nguồn chất thải phải không bị lẫn với các dung dịch hóa chất để đảm bảo hệ thống hồ ủ hoạt động tốt.

- Đối với sự cố rách bạt HPDE:

+ Sử dụng hồ điều hòa và hồ sinh học để chứa nước thải trong quá trình sửa chữa, khôi phục lại hệ thống.

+ Huy động lực lượng tại chỗ, phương tiện, trang thiết bị tại chỗ để ngăn chặn và đắp ngay chỗ bạt bị rách.

- Đối với sự cố nước thải xử lý không đạt Quy chuẩn cho phép, sự cố hư hỏng thiết bị hệ thống:

Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, qua theo dõi cảm quan nếu phát hiện nước thải có dấu hiệu không đạt Quy chuẩn xả thải hoặc quá trình quan trắc giám sát định kỳ phát hiện nước thải không đạt quy chuẩn hoặc sự cố hư hỏng thiết bị hệ thống sẽ tiến hành các bước sau:

+ Tạm dừng các công đoạn bơm nước thải qua các bể xử lý, chặn van xả nước thải ra ngoài môi trường.

+ Lưu chứa nước tạm thời tại hồ điều hòa và hồ sinh học.

+ Có giải pháp tiết giảm sử dụng nước làm phát sinh nước thải, tìm nguyên nhân và tiến hành các bước xử lý, sửa chữa hệ thống.

+ Sau khi khắc phục sự cố, tiến hành bơm lượng nước thải lưu chứa ở 2 hồ điều hòa, hồ sinh học đến các bể xử lý nước thải để tiến hành xử lý đạt quy chuẩn xả thải.

+ Nhân viên vận hành viết báo cáo sự cố, trình Ban lãnh đạo để xử lý các trường hợp vi phạm quy định vận hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: tối đa 06 tháng sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải:

Vị trí	Thông số	Tần suất	Loại mẫu	Quy chuẩn so sánh
Đầu vào của hệ thống xử lý nước thải	pH; BOD ₅ ; TSS; Tổng chất rắn hòa tan; sunfua; amoni;	01 đợt	Mẫu đơn	QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ

Vị trí	Thông số	Tần suất	Loại mẫu	Quy chuẩn so sánh
Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải	NO ₃ ⁻ -N; Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt, PO ₄ ³⁻ -P, Tổng coliforms	01 lần/ngày, trong 03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đặc vào ngày tiếp theo).		thuật quốc gia về nước thải chôn nuôi (Cột A, giá trị C _{max} , K _q =0,9, K _f =1,1)

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI XỬ LÝ KHÍ THẢI, GIẢM THIỂU MÙI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 52 /GPMT-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI: Không

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI XỬ LÝ, GIẢM THIỂU MÙI:

Đối với hoạt động của Cơ sở, bụi, khí thải, mùi phát sinh chủ yếu từ các nguồn sau:

- Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, xuất bán lợn.
- Quá trình chăm sóc, chăn nuôi lợn.
- Khu vực chứa phân lợn.
- Máy phát điện dự phòng.
- Hệ thống xử lý nước thải và khu vực tập trung chất thải rắn.

Cơ sở phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi sau:

1. Đối với bụi và khí thải phát sinh quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào khu vực cơ sở

- Đảm bảo không để rơi vãi các chất thải trong quá trình vận chuyển;
- Phun thuốc khử trùng tiêu độc trước khi vận chuyển.
- Lợn trước khi vận chuyển cho vệ sinh sạch để hạn chế mùi hôi phát tán trên xe.

- Các phương tiện vận chuyển phân yêu cầu kín để tránh phát tán mùi ảnh hưởng đến người dân sống hai bên tuyến đường vận chuyển và người dân tham giao giao thông.

2. Đối với bụi, khí thải, mùi hôi do quá trình chăn nuôi

** Mùi, khí thải tại chuồng trại từ quá trình chăn nuôi*

- Phân heo sẽ được công nhân thu gom thường xuyên, vệ sinh chuồng trại tối thiểu 3 lần/ngày. Nước tiểu được thu gom bằng rãnh thu xuống hồ vệ sinh được bố trí trong chuồng theo hệ thống cho vào hầm ủ Biogas.

- Tăng cường trồng cây xanh xung quanh chuồng trại để cải thiện môi trường không khí;

- Chuồng trại được thiết kế kín giúp giảm mùi hôi phát tán ra xa khu vực

xung quanh của dự án.

- Thường xuyên dùng chế phẩm sinh học EM để xử lý mùi hôi tại khu vực chăn nuôi heo, khu xử lý nước thải.

- Thiết kế ống dẫn khí thải hầm Biogas lên cao, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh và giảm nguy cơ cháy nổ.

- Lắp đặt dàn phun sương dung dịch đậm mùi để xử lý khí thải nhiễm mùi sau các quạt hút. Đảm bảo việc pha chế dung dịch dùng phun sương đúng quy định của nhà sản xuất và quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở.

- Tiến hành bọc lưới và sẽ xây rào tôn chắn luồng khí phát tán phía sau hệ thống quạt của mỗi chuồng trại.

** Mùi hôi từ khu vực lưu chứa phân*

- Đối với nhà chứa phân heo: Được xây dựng kín nhằm tránh hiện tượng mùi phân phát tán ảnh hưởng môi trường xung quanh, phân heo thu gom được xử lý bằng chế phẩm EM và vôi bột để ủ (thời gian ủ từ 15-20 ngày) để tiêu diệt mầm bệnh, ký sinh trùng, giảm mùi hôi....

- Để giảm thiểu mùi hôi và ruồi nhặng tại nhà chứa phân, Chủ Cơ sở sử dụng chế phẩm EM khử mùi. Phun liên tục hoặc định kỳ 2 - 3 ngày một lần đối với các khu vực phát sinh mùi, việc pha chế dung dịch phải đảm bảo theo quy định của nhà sản xuất và quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở.

- Sử dụng bao chứa 02 lớp để giảm thiểu mùi hôi phát tán (lớp trong là bao nilon).

** Khí thải, mùi hôi từ hầm Biogas*

Lượng khí gas phát sinh từ hầm biogas sẽ được đốt bỏ bằng đầu đốt tự động để giảm thiểu ô nhiễm môi trường theo đúng quy định, khí sinh học là nhiên liệu sạch và an toàn cho môi trường nên quá trình đốt bỏ không gây ô nhiễm môi trường. Đồng thời phải đảm bảo các yếu tố về phòng chống cháy nổ, thực hiện theo dõi khí gas phát sinh qua áp kế lắp đặt trên hệ thống đường ống dẫn khí.

** Mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung*

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình để tránh phát tán mùi, khí độc gây ô nhiễm môi trường.

- Phun xịt chế phẩm sinh học khử mùi tại khu vực hệ thống xử lý nước thải, nhằm hạn chế mùi hôi phát sinh gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Phun đều vùng gây ra mùi hôi. Có thể phun liên tục hoặc định kỳ.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải nhằm hạn chế tối đa các sự cố xảy ra.

- Trồng cây xanh xung quanh cơ sở để hạn chế mùi phát tán vào môi trường xung quanh.

** Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng*

Máy phát điện được đặt trong phòng kín, có ống thoát khí thải. Thực hiện vận hành máy phát điện đúng quy trình để quá trình đốt cháy nhiên liệu được hoàn toàn nhằm giảm thải lượng các chất ô nhiễm và thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy, vệ sinh máy và ống khói theo đúng quy định của nhà sản xuất.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 52 /GPMT-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 1: Quạt hút của các chuồng trại;
- + Nguồn số 2: Máy phát điện dự phòng;
- + Nguồn số 3: Máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung được xác định các điểm (theo hệ tọa độ VN 2.000, KTT 107⁰, múi chiều 3⁰) tại bảng sau:

STT	Tọa độ	
	X(m)	Y(m)
I	Khu vực đặt quạt hút của các chuồng trại (tọa độ trung tâm)	
	1800748,29	585019,77
II	Khu vực đặt máy phát điện	
	1800772,24	585115,23
III	Khu vực hệ thống xử lý nước thải (tọa độ trung tâm)	
	1800821,31	585071,43

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA) QCVN 26:2010/BTNMT		
STT	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB) QCVN 27:2010/BTNMT		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Máy phát điện được đặt trong phòng kín tiêu âm, trang bị hệ thống giảm chấn, giảm tiếng ồn phát sinh.
- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo vận hành ổn định nhằm hạn chế tiếng ồn và rung chấn.
- Tăng cường trồng cây xanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 52 /GPMT-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025
của UBND thành phố Huế)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ sở phát sinh các loại chất thải nguy hại sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	3
2	Giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	5
3	Chất thải nguy hại từ vệ sinh chuồng trại	14 02 02	5
4	Bao bì mềm thải (có nhiễm thành phần nguy hại)	18 01 01	12
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	10
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	30
7	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	18 01 04	30
8	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn): kim tiêm, ống chích...	13 02 01	10
9	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (Các hóa chất, thuốc thú y, sát trùng hết thời hạn, ống tiêm...)	13 02 02	30
10	Heo chết (do dịch bệnh)	14 02 01	Tùy theo thời điểm dịch bệnh
	Tổng số lượng		135

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Khối lượng rác sinh hoạt phát sinh khoảng 20 kg/ngày, thành phần gồm: bao bì nilon, thức ăn thừa,...

1.3. Chất thải rắn thông thường phát sinh:

Chất thải rắn thông thường từ hoạt động chăn nuôi chủ yếu:

- Xác heo chết (không do dịch bệnh), phân heo, thiết bị đựng thức ăn thải (máng ăn, núm uống,...).
- Bùn cặn ổn định phát sinh từ hồ biogas.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

- Đối với xác heo chết do dịch bệnh: Thực hiện khai báo dịch bệnh cho tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và thực hiện các biện pháp phòng, chống, ứng phó với dịch bệnh theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 và Thông tư số 09/2021/BNNPTNT ngày 12/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016. Hủy xác được sử dụng để xử lý heo chết do dịch bệnh với số lượng nhỏ.

- Đối với các loại CTNH khác, Cơ sở bố trí kho chứa CTNH có diện tích khoảng 18 m², trong kho có các thiết bị lưu chứa riêng biệt các loại CTNH, có dán nhãn phân biệt, mã cảnh báo theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Thực hiện, với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải: Ước tính khối lượng phát sinh khoảng 166 kg/ngày. Chủ Cơ sở thuê đơn vị có đủ chức năng phân tích mẫu bùn thải nhằm xác định ngưỡng nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT để xác định cách quản lý và xử lý phù hợp.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Nhà lưu chứa phân: Để hạn chế mùi hôi phát sinh, phân được thu gom với chế phẩm EM và vôi bột, sau đó được chứa 02 lớp (lớp trong là bao nilon, lớp ngoài là bao cám tận dụng) và lưu giữ ở nhà lưu chứa phân. Nhà lưu chứa phân có tổng diện tích 120m². Kết cấu công trình: Móng trụ, dầm sàn bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền bê tông chống thấm và không bị rò rỉ ra ngoài môi trường. Khi khối lượng đủ lớn hoặc khi nhà chứa phân không thể lưu giữ tiếp, Cơ sở sẽ liên hệ người dân có nhu cầu đến để thu gom làm phân bón hữu cơ.

- Hàm hủy xác heo: Hàm hủy xác heo có kích thước (DxRxH): 12,5m x

5,0m x 4,0m, được bố trí gần khu vực hầm Biogas, hệ thống xử lý nước thải và xa khu vực chuồng trại, nhà điều hành, nhà ở công nhân viên. Hầm được xây dựng bằng bê tông, có sơn chống thấm và có nắp đậy kín; được phân thành nhiều ngăn cho từng đợt hủy xác. Hầm hủy xác được phủ vôi trên bề mặt và bên trong để hạn chế ruồi nhặng và mùi hôi phát tán ra bên ngoài, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn. Sau khi xác heo chết phân hủy hoàn toàn sẽ được đào, xúc toàn bộ xác heo chết đã phân hủy cùng các lớp đất phủ, đóng bao như đối với phân heo và bán lại cho người dân có nhu cầu để làm phân bón hữu cơ.

- Sân phơi bùn cặn ổn định phát sinh từ hồ biogas: Bùn sau khi được thu gom được phơi tại sân phơi bùn là sân bê tông có 3 ngăn, kích thước mỗi ngăn 7m x 8m, gờ chắn cao khoảng 40cm được xây gạch. Sau khi phơi phân được đóng bao theo quy trình như đối với phân heo. Bã sau lên men mêtan có độ mùn và chất hữu cơ dễ hấp thụ cao gần giống với phân vi sinh hữu cơ nên Cơ sở sẽ sử dụng làm phân bón cho cây xanh, cải tạo đất để trồng cây. Vừa giải quyết được lượng chất thải rắn đáng kể vừa giảm được chi phí mua phân bón ngoài thị trường. Lượng còn lại sẽ đóng bao và bán lại cho người dân.

- Đối với chất thải khác: Thu gom, lưu giữ và chuyển giao xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Tổ chức phân loại tại nguồn theo 3 nhóm: nhóm tái chế, tái sử dụng (giấy các loại, nhựa các loại, thủy tinh các loại); nhóm chất thải thực phẩm và nhóm chất thải còn lại (không bao gồm chất thải xây dựng và xác chết vật nuôi).

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và lưu chứa tại 6 thùng HPDE có nắp đậy (120 lít/thùng) trong khuôn viên cơ sở. Hằng ngày được công nhân vệ sinh thu gom và vận chuyển về tập kết tại khu chứa rác sinh hoạt, sau đó thuê đơn vị có năng lực để xử lý.

Chủ cơ sở thực hiện đầy đủ trách nhiệm của chủ nguồn thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày

10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) về việc ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Huế.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố về cháy nổ:

- Kiểm tra các thiết bị, đảm bảo luôn trong tình trạng an toàn về điện. Trang bị trang thiết bị ứng phó khi có sự cố cháy tại cơ sở: hòng cứu hỏa, bình CO₂, máy bơm,...

- Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ đối với hầm Biogas:

+ Thường xuyên theo dõi áp suất khí, hệ thống đường ống dẫn khí và hoạt động của đầu đốt để phát hiện, sửa chữa khắc phục rò rỉ khí qua đường ống. Khi thấy hờ khí gas (có mùi) tiến hành sửa chữa ngay. Khi châm thử mức độ cháy của khí gas, tuyệt đối không được thực hiện ở đường ống dẫn khí mà chỉ được thực hiện ở đầu đốt có khóa van an toàn; tại nơi có khí thoát ra ngoài do đường ống hờ cần tuyệt đối cấm lửa, hút thuốc, dùng đèn dầu (có biển báo cấm lửa). Khi dùng đầu đốt bỏ và đun nấu cần chú ý đưa lửa tới gần rồi mới mở van cho khí ra.

+ Không được để vật nặng hoặc để xe ô tô và các xe cộ đi lại trong khu vực hầm Biogas, điều này làm cho hầm Biogas bị chấn động gây hờ hoặc có thể bị sập gây nguy hiểm.

- Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ:

+ Báo động toàn bộ khu vực, cử người gọi điện thoại cơ quan PCCC số 114.

+ Cúp điện bên trong khu vực Dự án, gọi điện thoại báo chính quyền địa phương như công an, quân đội đến để phối hợp chữa cháy.

+ Thông tin về tình hình cháy, chữa cháy cho Trưởng ban PCCC, lãnh đạo Cơ sở và chỉ huy chữa cháy biết để có hướng chỉ đạo.

+ Tổ chức sơ tán người ra khỏi khu vực cháy, tập trung về khu vực an toàn và tiến hành kiểm tra số lượng cán bộ, công nhân viên.

+ Nếu có người bị nạn phải tổ chức sơ cấp cứu và đưa đi bệnh viện gần nhất

+ Tổ chức chữa cháy bằng các phương tiện chữa cháy tại chỗ đã được trang bị để dập lửa và chống cháy lan ra xung quanh và cùng phối hợp với lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp.

+ Di chuyển tài sản trong khu vực cháy và khu vực lân cận có nguy cơ bị cháy lan ra nơi an toàn.

+ Tổ chức khắc phục, xử lý ô nhiễm, vệ sinh môi trường.

2. Sự cố dịch bệnh:

- Đưa heo bị dịch bệnh vào chuồng nuôi heo cách ly để điều trị và tiêm phòng dịch bệnh cho toàn đàn heo;

- Không bán chạy heo ốm và nghi ốm do dịch; báo cáo nhanh với cơ quan chức năng tại địa phương để được phối hợp, xử lý kịp thời; thông báo rộng rãi bằng phương tiện thông tin đại chúng về nơi phát hiện dịch và bùng phát dịch bệnh; nghiêm cấm người và phương tiện không có nhiệm vụ qua lại, ra vào nơi có dịch;

- Làm rào chắn ngăn người và phương tiện từ ổ dịch đi ra; phun tiêu độc khử trùng các phương tiện ra vào trang trại theo đúng quy định.

- Xử lý heo chết do dịch bệnh:

+ Xử lý và tiêu hủy: Heo chết do dịch bệnh với số lượng nhỏ sẽ đưa vào hố tiêu hủy xác hợp vệ sinh tại Cơ sở.

+ Trong trường hợp dịch bùng phát trên toàn đàn vật nuôi, số lượng heo dịch bệnh quá lớn, không thể thực hiện việc chôn lấp tại chỗ, và được chính quyền địa phương chỉ dẫn vị trí nơi chôn lấp thích hợp: khu vực xa dân cư, dưới chân đồi, núi, vùng trồng cây lấy gỗ, cây lâu năm... Khi đó, xe vận chuyển xác heo đến nơi tiêu hủy được bố trí đầy kín, được bọc bằng các tấm polyethylen ở trên nóc, chở đúng tải trọng để tránh rơi vãi các chất ô nhiễm ra xung quanh. Người hộ tống có bảo hộ và mang theo thuốc khử trùng tiêu độc, dụng cụ cần thiết để tiêu độc các chất rơi vãi trên dọc đường đi. Tất cả xe tải đều được làm vệ sinh và tiêu độc trước khi rời khỏi nơi nhiễm bệnh và nơi chôn lấp.

- Phương án phòng ngừa dịch bệnh đối với heo: Chương trình vệ sinh phòng dịch của khu trại sẽ được thực hiện nghiêm ngặt và đúng theo Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc Quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y và Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

3. Sự cố tai nạn lao động:

- Mở các lớp tập huấn cho công nhân về an toàn lao động;

- Có chương trình kiểm tra và giám định sức khỏe định kỳ cho công nhân;

- Hệ thống điện được đặt trên cao và kiểm tra thường xuyên, công nhân phụ trách điện được trang bị quần áo, găng tay, giày,... không dẫn điện và các dụng cụ sử dụng an toàn điện;

- Công nhân làm việc tại cơ sở được tuyển dụng, đào tạo theo đúng chuyên môn.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 52 /GPMT-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025
của UBND thành phố Huế)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công ty TNHH Chăn nuôi Hoàng Vân chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công ty TNHH Chăn nuôi Hoàng Vân đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động về bảo vệ môi trường. Áp dụng các biện pháp phòng chống sự cố và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đồng thời tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý về môi trường, đảm bảo không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường.

4. Thực hiện các giải pháp giảm thiểu tác động khí thải và mùi hôi: Trang bị bảo hộ lao động chuyên dụng tại các công đoạn sản xuất; thực hiện phun chế phẩm sinh học khử mùi tại các công đoạn sản xuất, vận chuyển, khu vực phát sinh mùi.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi

này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.